

**BẢO HIỂM TIỀN GỬI
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 807/QĐ-BHTG

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY CHẾ CHI TRẢ TIỀN GỬI ĐƯỢC BẢO HIỂM

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền gửi số 06/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số [68/2013/NĐ-CP](#) ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm tiền gửi;

Căn cứ Quyết định số [1394/QĐ-TTg](#) ngày 13 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và quy định chức năng nhiệm vụ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số [1395/QĐ-TTg](#) ngày 13 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; Quyết định số [527/QĐ-TTg](#) ngày 01 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số [24/2014/TT-NHNN](#) ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi;

Căn cứ ý kiến của các Thành viên Hội đồng quản trị;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế chi trả tiền gửi được bảo hiểm”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2016 và thay thế Quyết định số 87/2001/QĐ-BHTG ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Tổng giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về việc ban hành Quy định của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về chi trả tiền bảo hiểm.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, ban tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Tổ chức tham gia BHTG (để thực hiện);
- Thống đốc NHNNVN (để báo cáo);
- Cơ quan TTCSNH (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế NHNNVN (để báo cáo);
- Kiểm soát viên (để kiểm soát);
- Lưu: VP, BTK, QLTP, PC.

Nguyễn Quang Huy

QUY CHẾ

CHI TRẢ TIỀN GỬI ĐƯỢC BẢO HIỂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 807/QĐ-BHTG ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng quản trị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người được bảo hiểm tiền gửi; người nhận tiền bảo hiểm;
2. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;
3. Các đơn vị và cá nhân liên quan thuộc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
4. Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc chi trả tiền gửi được bảo hiểm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng được nhận tiền gửi của cá nhân, bao gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
2. *Người được bảo hiểm tiền gửi* là cá nhân có tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.
3. Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu và các hình thức tiền gửi khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các loại tiền gửi quy định tại Khoản 4 Điều này.
4. *Tiền gửi không được bảo hiểm*
 - a) Tiền gửi tại tổ chức tín dụng của cá nhân là người sở hữu trên 5% vốn điều lệ của chính tổ chức tín dụng đó.
 - b) Tiền gửi tại tổ chức tín dụng của cá nhân là thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của chính tổ chức tín dụng đó; tiền gửi tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài của cá nhân là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của chính chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.
 - c) Tiền gửi tiết kiệm bắt buộc theo quy định của tổ chức tài chính vi mô.
 - d) Tiền mua các giấy tờ có giá vô danh do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành.
5. *Số tiền gửi* là tên gọi chung của các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với các khoản tiền gửi được bảo hiểm của người được bảo hiểm tiền gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.
6. *Thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm*

Nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ thời điểm Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vẫn lâm vào tình trạng phá sản (mất khả năng thanh toán) hoặc Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.
7. *Hạn mức trả tiền bảo hiểm* là số tiền tối đa mà Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm (gồm cả tiền gốc và tiền lãi) của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.
8. *Chi trả trực tiếp* là việc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trực tiếp chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi.
9. *Ủy quyền chi trả* là việc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam ủy quyền cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khác có đủ điều kiện để thực hiện chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi.

Điều 4. Nguyên tắc chi trả tiền bảo hiểm

Việc thực hiện chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi phải đảm bảo các nguyên tắc: Công khai, minh bạch, đầy đủ, chính xác, thuận tiện, an toàn, tiết kiệm chi phí; bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI TỔ CHỨC THAM GIA BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 5. Hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải gửi hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (theo phân cấp, ủy quyền quản lý tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam). Hồ sơ do người đại diện theo pháp luật của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi ký, bao gồm:

1. Văn bản đề nghị trả tiền bảo hiểm (mẫu số 01/CtrBH);
2. Danh sách người được bảo hiểm tiền gửi và số tiền bảo hiểm đề nghị chi trả tính đến ngày phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm (mẫu số 02/CtrBH). Đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có nhiều chi nhánh thì danh sách này được lập theo từng chi nhánh của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;
3. Bản sao văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vẫn lâm vào tình trạng phá sản hoặc văn bản xác định Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Văn bản và danh sách quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này được gửi đồng thời bằng văn bản và file điện tử theo quy định của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Thực hiện đúng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về bảo hiểm tiền gửi và các quy định có liên quan.
2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ, hợp pháp, đầy đủ và chính xác của hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm gửi cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.
3. Cung cấp đầy đủ hồ sơ, sổ sách, chứng từ và các văn bản, tài liệu có liên quan đến danh sách người được bảo hiểm tiền gửi và số tiền bảo hiểm đề nghị chi trả theo yêu cầu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để phục vụ công tác kiểm tra và chi trả. Cung cấp cho người được bảo hiểm tiền gửi giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với các khoản tiền gửi được bảo hiểm khi có yêu cầu; xác nhận cho người được bảo hiểm tiền gửi khi số tiền gửi bị mất, rách nát, chấp và không rõ ràng và các trường hợp cần thiết khác. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực và chính xác của các tài liệu cung cấp.
4. Hướng dẫn người được bảo hiểm tiền gửi đối chiếu danh sách, số tiền bảo hiểm được chi trả và phản ánh các vướng mắc liên quan đến chi trả tiền bảo hiểm tới Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.
5. Phối hợp với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam giải quyết các vướng mắc của người được bảo hiểm tiền gửi; hỗ trợ Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam xử lý các khiếu nại của người được bảo hiểm tiền gửi về chi trả tiền bảo hiểm.
6. Phối hợp với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc tổ chức được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam ủy quyền chi trả thực hiện tốt công tác chi trả tiền bảo hiểm tại các địa điểm chi trả.
7. Báo cáo, đề nghị chính quyền địa phương và các cơ quan bảo vệ pháp luật nơi chi trả tiền bảo hiểm đảm bảo an ninh trật tự và an toàn tài sản trong thời gian chi trả tiền bảo hiểm.
8. Xác nhận nợ với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về số tiền bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm tiền gửi.

Mục 2. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 7. Điều kiện để nhận tiền bảo hiểm

1. Có tên trong danh sách người được bảo hiểm tiền gửi và số tiền bảo hiểm được chi trả đã được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phê duyệt.
2. Có giấy tờ hợp lệ, hợp pháp để nhận tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 8 quy chế này và theo các quy định khác của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Điều 8. Giấy tờ hợp lệ, hợp pháp để nhận tiền bảo hiểm

1. Khi nhận tiền bảo hiểm, người được bảo hiểm tiền gửi phải có các giấy tờ hợp pháp, hợp lệ sau:
 - a) Bản chính giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với các khoản tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (sổ tiền gửi) còn nguyên vẹn, rõ ràng, không bị rách nát hoặc chấp vá, không có dấu hiệu tẩy xóa hoặc giả mạo, cụ thể:
 - Trường hợp gửi tiền tiết kiệm, người được bảo hiểm tiền gửi phải xuất trình thẻ tiết kiệm hoặc sổ tiết kiệm;
 - Trường hợp mua giấy tờ có giá do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành, người được bảo hiểm tiền gửi phải xuất trình chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu;
 - Trường hợp gửi tiền dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi khác: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tiền gửi được bảo hiểm của người được bảo hiểm tiền gửi do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cấp.
 - b) Chứng minh nhân dân (Căn cước công dân) hoặc hộ chiếu còn thời hạn hoặc giấy tờ tùy thân khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp không có giấy tờ tùy thân phải có xác nhận bằng văn bản (có ảnh đóng dấu giáp lai) của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp người nhận tiền bảo hiểm từ số tiền gửi thuộc sở hữu chung của nhiều người, phải có văn bản thỏa thuận hợp pháp về việc phân chia số tiền bảo hiểm của các đồng chủ sở hữu hoặc quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc phân chia số tiền bảo hiểm; có sổ tiền gửi và giấy tờ tùy thân của mình theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này.
3. Trường hợp ủy quyền cho người khác nhận tiền bảo hiểm, người được ủy quyền phải có văn bản ủy quyền hợp pháp của người được bảo hiểm tiền gửi; có sổ tiền gửi của người được bảo hiểm tiền gửi và giấy tờ tùy thân của mình theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này.
4. Trường hợp người thừa kế của người được bảo hiểm tiền gửi và các trường hợp khác khi nhận tiền bảo hiểm, ngoài việc xuất trình sổ tiền gửi, giấy tờ tùy thân theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này còn phải xuất trình các giấy tờ theo quy định của pháp luật.
5. Các trường hợp phát sinh ngoài quy định nêu trên sẽ được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam xem xét giải quyết vào cuối đợt chi trả.

Điều 9. Trình tự, thủ tục nhận tiền bảo hiểm tại địa điểm chi trả

Khi nhận tiền bảo hiểm, người nhận tiền phải thực hiện trình tự, thủ tục sau:

1. Nộp giấy đề nghị nhận tiền bảo hiểm (ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu quy định của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; ký tên, nếu không biết chữ thì có thể đề nghị người khác viết hộ sau đó điểm chỉ) và các giấy tờ theo quy định tại Điều 8 Quy chế này cho cán bộ tiếp nhận hồ sơ.
2. Bổ sung các thủ tục cần thiết (nếu có) theo hướng dẫn của cán bộ tiếp nhận hồ sơ.
3. Ký nhận hoặc điểm chỉ (trong trường hợp không biết chữ) vào phiếu thanh toán, chứng từ chi tiền bảo hiểm và kiểm đếm tiền mặt tại chỗ đảm bảo đã nhận đủ số tiền bảo hiểm; nhận lại Chứng minh nhân dân (Căn cước công dân) hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác; nhận lại sổ tiền gửi còn số dư trên hạn mức trả tiền bảo hiểm và các giấy tờ khác (nếu có).
4. Trường hợp nhận tiền theo phương thức chuyển khoản, người nhận tiền bảo hiểm ngoài việc phải thực hiện theo quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này, còn phải thực hiện các quy định về thanh toán chuyển khoản.

Điều 10. Thời hạn nhận tiền bảo hiểm

1. Thời hạn nhận tiền bảo hiểm thực hiện theo thông báo của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết tại trụ sở hoặc chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi hoặc theo thông báo gửi trực tiếp cho người được

bảo hiểm tiền gửi.

2. Quá thời hạn nhận tiền bảo hiểm theo thông báo, người nhận tiền bảo hiểm phải liên hệ với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi hoặc người đại diện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để được xem xét giải quyết.

3. Sau thời hạn 10 năm kể từ ngày Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có thông báo lần thứ nhất về việc trả tiền bảo hiểm, những khoản tiền bảo hiểm không có người nhận sẽ được xác lập quyền sở hữu nhà nước và bổ sung vào nguồn vốn hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, người có quyền sở hữu khoản tiền gửi được bảo hiểm sẽ không có quyền yêu cầu Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trả số tiền bảo hiểm đó.

Điều 11. Trách nhiệm của người được bảo hiểm tiền gửi

1. Thực hiện đúng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về bảo hiểm tiền gửi và các quy định có liên quan; chịu sự kiểm tra, đối chiếu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các cơ quan có thẩm quyền về những nội dung liên quan đến khoản tiền gửi, khoản tiền vay đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; chịu trách nhiệm trước pháp luật tính hợp lệ, hợp pháp của khoản tiền gửi và các giấy tờ để nhận tiền bảo hiểm.

2. Chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ quy định tại Điều 8 Quy chế này, thực hiện đối chiếu số tiền gửi với danh sách người được bảo hiểm tiền gửi và số tiền bảo hiểm được trả, nếu phát hiện có sai sót phải kịp thời phản ánh với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam ủy quyền chỉ trả để được xem xét giải quyết.

3. Thực hiện đúng các quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn nhận tiền bảo hiểm và các quy định có liên quan của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

Mục 3. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

Điều 12. Số tiền bảo hiểm được trả

1. Xác định số tiền gửi được bảo hiểm: Tổng số tiền gửi được bảo hiểm của một người là toàn bộ số dư các khoản tiền gửi được bảo hiểm của người đó (gồm cả tiền gốc và tiền lãi) tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm. Trường hợp người được bảo hiểm tiền gửi có khoản nợ tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thì số tiền gửi được bảo hiểm là số tiền còn lại sau khi trừ khoản nợ đó (gồm cả tiền gốc và tiền lãi).

2. Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người gửi tiền tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (gồm cả tiền gốc và tiền lãi) tối đa bằng hạn mức trả tiền bảo hiểm. Cách xác định như sau:

a) Bằng toàn bộ số dư các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người (gồm cả tiền gốc và tiền lãi) nếu tổng số dư này nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức trả tiền bảo hiểm.

b) Bằng đúng hạn mức trả tiền bảo hiểm nếu tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm (gồm cả tiền gốc và tiền lãi) lớn hơn hạn mức trả tiền bảo hiểm.

3. Số tiền bảo hiểm được trả trong trường hợp nhiều người sở hữu chung tiền gửi được bảo hiểm được xác định như sau:

a) Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của nhiều người sở hữu chung tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (gồm cả tiền gốc và tiền lãi), tối đa bằng hạn mức trả tiền bảo hiểm cho một người, số tiền bảo hiểm được trả sẽ được chia theo thỏa thuận của các đồng chủ sở hữu; trường hợp giữa các đồng chủ sở hữu không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp một trong các đồng chủ sở hữu có khoản tiền gửi khác được bảo hiểm tại cùng một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thì tổng số tiền bảo hiểm được trả cho một đồng chủ sở hữu không vượt quá hạn mức trả tiền bảo hiểm.

4. Người được bảo hiểm tiền gửi có tổng số tiền gửi được bảo hiểm (gồm cả tiền gốc và tiền lãi) vượt quá hạn mức trả tiền bảo hiểm thì phần vượt trên hạn mức sẽ được giải quyết trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi nộp, thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ thì Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam gửi thông báo tới tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đề nghị gửi bổ sung hoặc đính chính hồ sơ kịp thời.

Điều 14. Kiểm tra chứng từ, sổ sách để xác định số tiền chi trả

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (hợp pháp, hợp lệ) đề nghị trả tiền bảo hiểm của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tiến hành kiểm tra các chứng từ, sổ sách để xác định chính xác danh sách người được bảo hiểm tiền gửi và số tiền bảo hiểm được trả.

Trường hợp kiểm tra chứng từ, sổ sách để xác định số tiền chi trả phát hiện dấu hiệu vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam báo cáo, kiến nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, kiểm tra, thanh tra, xử lý.

Điều 15. Phương án chi trả tiền bảo hiểm

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra chứng từ, sổ sách để xác định số tiền chi trả, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoàn thành việc phê duyệt phương án chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi.

Điều 16. Thông báo trả tiền bảo hiểm, niêm yết danh sách người được trả tiền bảo hiểm

Sau khi phương án chi trả tiền bảo hiểm được phê duyệt, các đơn vị liên quan thuộc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải thông báo công khai về địa điểm, thời gian, phương thức trả tiền bảo hiểm trên ba số liên tiếp của một tờ báo Trung ương, một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và trên một báo điện tử của Việt Nam; niêm yết danh sách người được trả tiền bảo hiểm; trình tự, thủ tục nhận tiền bảo hiểm cùng các loại giấy tờ cần thiết khác tại địa điểm thông báo.

Ngay sau khi niêm yết danh sách người được trả tiền bảo hiểm, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đề nghị trả tiền bảo hiểm hoặc tổ chức được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam ủy quyền chi trả có trách nhiệm giải đáp các vướng mắc của người được bảo hiểm tiền gửi trong phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của mình.

Điều 17. Hình thức và thời hạn chi trả tiền bảo hiểm

1. Hình thức chi trả tiền bảo hiểm: Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi theo một trong hai hình thức hoặc kết hợp cả hai hình thức là chi trả trực tiếp và/hoặc ủy quyền chi trả. Người nhận tiền bảo hiểm có thể nhận bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo yêu cầu.

2. Thời hạn chi trả tiền bảo hiểm: Trong thời hạn 60 ngày, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi.

Điều 18. Thanh toán phí chuyển tiền cho người nhận tiền bảo hiểm

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chịu trách nhiệm thanh toán phí chuyển tiền cho người nhận tiền bảo hiểm trong trường hợp nhận tiền bảo hiểm theo phương thức chuyển khoản quy định tại Khoản 4, Điều 9 Quy chế này.

Mục 4. GIẢI QUYẾT VƯỚNG MẮC, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 19. Giải quyết vướng mắc, khiếu nại, tố cáo về chi trả tiền bảo hiểm

1. Giải quyết vướng mắc về chi trả tiền bảo hiểm

a) Giải đáp trực tiếp: Đại diện của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam ủy quyền chi trả (trong trường hợp ủy quyền chi trả) chịu trách nhiệm giải đáp vướng mắc của người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Quy chế này và văn bản liên quan của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

b) Giải đáp bằng văn bản: Trường hợp vướng mắc phát sinh chưa được quy định tại Quy chế này và các văn bản liên quan của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc chi trả tiền bảo hiểm gửi yêu cầu giải quyết vướng mắc bằng văn bản cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để xem xét, giải quyết.

2. Giải quyết khiếu nại về chi trả tiền bảo hiểm

a) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định, hành vi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về chi trả tiền bảo hiểm. Thời hạn giải quyết khiếu nại là 15 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại.

b) Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để được giải quyết trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại.

c) Trường hợp không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, người khiếu nại có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

3. Giải quyết tố cáo về chi trả tiền bảo hiểm

Việc giải quyết tố cáo về chi trả tiền bảo hiểm thực hiện theo Luật tố cáo, Luật bảo hiểm tiền gửi, các quy định khác của pháp luật và của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Tổng Giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 21. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam quyết định./

Mẫu số: 01/CTrBH

(Tên tổ chức tham gia BHTG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Kính gửi: **Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam**

- Tên tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (BHTG) đề nghị trả tiền bảo hiểm
- Địa chỉ:
- Giấy phép thành lập và hoạt động số ngày tháng năm
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày tháng năm
- Chứng nhận tham gia BHTG số ngày tháng năm; Văn bản thu hồi Chứng nhận tham gia BHTG số ngày tháng năm
- Văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng là tổ chức tham gia BHTG vẫn lâm vào tình trạng phá sản hoặc văn bản xác định Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là tổ chức tham gia BHTG mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-NHNN ngày 06/9/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số ngày tháng năm

Căn cứ Luật BHTG số 06/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành, (tên TCTGBHTG) đề nghị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chi trả tiền gửi được bảo hiểm cho người được BHTG tại (tên TCTGBHTG) với các số liệu tính đến ngày phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm (ngày.... tháng năm) cụ thể như sau:

1. Tổng số người được BHTG còn số dư tiền gửi được bảo hiểm là: người (số người bằng chữ là).
2. Tổng số số tiền gửi của người được BHTG còn số dư tiền gửi được bảo hiểm là: số (số số bằng chữ là).
3. Tổng số dư tiền gửi (bằng đồng Việt Nam) là: đồng (số tiền bằng chữ là).
4. Tổng số khoản nợ tổ chức tham gia BHTG của người được BHTG phải khấu trừ là: đồng (số tiền bằng chữ là).

5. Tổng số tiền bảo hiểm đề nghị chi trả là: đồng (số tiền bằng chữ là).
6. Tổng số tiền vượt trên hạn mức trả tiền bảo hiểm đề nghị được thanh toán trong quá trình xử lý tài sản là: đồng (số tiền bằng chữ là).

Kèm theo danh sách người được BHTG và số tiền bảo hiểm đề nghị chi trả (mẫu số 02/CTrBH).

..... (Tên tổ chức tham gia BHTG) đề nghị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam xem xét, thực hiện chi trả tiền bảo hiểm cho người được BHTG theo quy định của pháp luật. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng Quy định của pháp luật về BHTG, về phá sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan, cam kết thực hiện đúng trách nhiệm của mình đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là chủ nợ đối với số tiền bảo hiểm phải chi trả cho người được BHTG theo đúng Quy định của pháp luật.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC THAM GIA BHTG(1)**

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu.

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Trường hợp tổ chức tham gia BHTG bị khuyết người đại diện theo pháp luật hoặc trong trường hợp cần thiết khác thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Thông tư 24/2014/TT-NHNN ngày 06/9/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu số: 02/CtrBH
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên tổ chức tham
gia BHTG)

DANH SÁCH NGƯỜI ĐƯỢC BHTG VÀ SỐ TIỀN BẢO HIỂM ĐỀ NGHỊ CHI TRẢ

Tại (1)

(số liệu đến ngày tháng năm)(2)

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND hoặc hộ chiếu	Số số tiền gửi (số tiết kiệm, CCTG, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu và các tài khoản tiền gửi khác)	Ngày gửi (ngày mở số tiền gửi)	Số tiền gửi	Lãi suất	Ngày đến hạn	Số ngày tính lãi	Số dư tiền gửi			Các khoản nợ tổ chức tham gia BHTG phải khấu trừ (gốc+lãi)	Số tiền gửi được bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm đề nghị chi trả	Số tiền vượt trên hạn mức trả tiền bảo hiểm	Ghi chú
										Gốc	Lãi	Tổng cộng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=11+12	14	15=13-14	16	17=15-16	18
I	Trong hạn mức trả tiền bảo hiểm																
II	Trên hạn mức trả tiền bảo hiểm																
	TỔNG CỘNG																

..., ngày tháng năm ...
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC
THAM GIA BHTG (3)**
(Ký tên, đóng dấu)

LẬP BIỂU KẾ TOÁN TRƯỞNG KIỂM SOÁT

Hướng dẫn: (1) Ghi tên TCTGBHTG đề nghị trả tiền BH; (2) Ghi thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm theo Văn bản của NHNN; (3) Trường hợp TCTGBHTG bị khuyết người đại diện theo pháp luật hoặc trong trường hợp cần thiết khác thì thực

hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Thông tư 24/2014/TT-NHNN; Cột 3: Ghi theo địa chỉ ghi trong sổ tiết kiệm, CCTG,...; Cột 5: Ghi theo từng cá nhân, mỗi cá nhân ghi rõ từng số sổ tiết kiệm, từng loại CCTG, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu và số tài khoản tiền gửi (mỗi loại một dòng); Cột 6 đến cột 13: Ghi tương ứng với các dòng của cột 5; Cột 7: Ghi số tiền gửi gốc ban đầu; Cột 11 (Gốc): Ghi số dư còn lại của tiền gửi gốc ban đầu (hoặc lãi nhập gốc); Cột 12 (Lãi): Ghi số tiền lãi còn lại chưa trả đến thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền BH; Cột 16: Ghi số tiền bằng chính số tiền cột 15 nếu số tiền cột 15 nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức trả tiền BH, ghi bằng đúng hạn mức trả tiền BH nếu số tiền cột 15 lớn hơn hạn mức trả tiền BH.